Biểu mẫu số 14: Thuyết minh dự thảo Tiêu chuẩn quốc gia/Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia

**THUYẾT MINH DỰ THẢO**

**TIÊU CHUẨN QUỐC GIA**

**Dự thảo TCVN “Giống trồng nông nghiệp - Khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định – Phần 1: Giống lúa”**

**I. THÔNG TIN CHUNG**

- Tổ chức chủ trì biên soạn: Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.

- Cơ quan biên soạn: Trung tâm Khảo kiểm nghiệm giống, sản phẩm cây trồng Quốc gia

- Thời gian xây dựng: Năm 2025.

**II. TÓM TẮT TÌNH HÌNH ĐỐI TƯỢNG TCVN; LÝ DO VÀ MỤC ĐÍCH XÂY DỰNG**

**1. Tình hình đối tượng TCVN**

Cây lúa tên khoa học *Oryza sativa* L. Là cây lương quan trọng đứng thứ hai trên thế giới. Lúa là cây lương thực chính và quan trọng nhất ở Việt Nam. Sự hình thành và phát triển sản xuất lúa gạo ở nước ta có lịch sử truyền thống lâu đời và có ảnh hưởng lớn đến đời sống của người dân. Việt Nam có khoảng 9,3 triệu ha đất nông nghiệp trong đó phần lớn diện tích đất dành cho trồng lúa.

Là quốc gia xuất khẩu gạo với những thành tựu được quốc tế đánh giá cao, từ một đất nước không đủ ăn vào những thập niên 80, Việt Nam đã vươn lên trở thành một trong các quốc gia xuất khẩu gạo lớn trên thế giới và góp phần to lớn vào an ninh lương thực toàn cầu và an ninh lương thực khu vực. Theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, hiện nay mỗi năm Việt Nam sản xuất 45 triệu tấn lúa và xuất khẩu 6-7 triệu tấn gạo. Để đạt được thành tựu trên, có sự đóng góp không nhỏ của công tác chọn tạo ra những giống lúa mới có năng suất cao như giống TBR1, BC15, DT81, ADI168 ..., giống lúa có chất lượng tốt như giống ST24, ST25, TBR225, Đài thơm 8, Thơm RVT, HANA318... , giống lúa có khả năng chống chịu sâu bệnh như Bắc thơm KBL 02...

Hàng năm có rất nhiều giống lúa được được công nhận lưu hành và bảo hộ giống phục vụ sản xuất.

**2. Lý do và mục đích xây dựng TCVN**

a) Lý do

- Ngày 24 tháng 12 năm 2006, Việt Nam trở thành thành viên của Hiệp hội quốc tế về bảo hộ giống cây trồng mới (UPOV). Các nước gia nhập (UPOV) sau 10 năm sẽ tiến hành bảo hộ tất cả các loài cây trồng và Khoản 64 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Sở hữu trí tuệ 2022 đã bỏ cụm từ Danh mục loài cây trồng được Nhà nước bảo hộ do bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định có nghĩa là thực hiện bảo hộ tất cả các loài cây trồng. Để thực hiện được việc bảo hộ giống cây trồng mới khi có đơn đăng ký bảo hộ thì xây dựng tiêu chuẩn khảo nghiệm DUS là việc cần thiết.

- Phù hợp với yêu cầu hội nhập, thương mại hóa giống và xuất khẩu và hài hòa hóa đối với khu vực và quốc tế trong lĩnh vực bảo hộ quyền tác giả đối với giống cây trồng mới. Việc có một hệ thống tiêu chuẩn khảo nghiệm DUS chính thức không chỉ tạo thuận lợi cho cá nhân tác giả, doanh nghiệp trong việc xác lập quyền sở hữu trí tuệ, mà còn giúp chứng minh nguồn gốc giống minh bạch, đáp ứng các yêu cầu về truy xuất nguồn gốc, sở hữu trí tuệ và bảo hộ giống tại thị trường nước ngoài.

b) Mục đích

- Thiết lập hành lang pháp lý và kỹ thuật cho công tác khảo nghiệm DUS giống lúa: TCVN về khảo nghiệm DUS đối với giống lúa sẽ là tài liệu chính thức quy định các yêu cầu, phương pháp và tiêu chí kỹ thuật để đánh giá một giống lúa mới có đủ điều kiện được cấp bằng bảo hộ hay không. Đây là căn cứ để các cơ quan chức năng, tổ chức khảo nghiệm và các bên liên quan triển khai hoạt động khảo nghiệm một cách thống nhất, minh bạch và đúng quy định.

- Tăng cường năng lực hệ thống khảo nghiệm trong nước: Tiêu chuẩn sẽ là căn cứ để công nhận các tổ chức khảo nghiệm DUS giống lúa, đào tạo cán bộ chuyên môn, thiết lập hệ thống cơ sở vật chất và năng lực kỹ thuật phù hợp với đặc thù của loài cây trồng này. Qua đó, góp phần xây dựng một hệ thống khảo nghiệm bài bản, chuyên nghiệp, từng bước tự chủ kỹ thuật trong nước.

- Khuyến khích đổi mới sáng tạo và thương mại hóa giống: Tiêu chuẩn kỹ thuật rõ ràng là cơ sở để các nhà chọn giống yên tâm đầu tư nghiên cứu, chọn tạo giống mới, đồng thời tạo điều kiện để thương mại hóa giống thông qua chuyển giao, hợp tác sản xuất, nhân giống. Điều này góp phần nâng cao giá trị kinh tế của ngành sản xuất hoa cây cảnh và tạo động lực phát triển bền vững.

- Tăng cường hội nhập quốc tế và hợp tác song phương trong bảo hộ giống cây trồng: TCVN khảo nghiệm DUS giống lúa sẽ là căn cứ để Việt Nam tham gia trao đổi, công nhận kết quả khảo nghiệm DUS với các quốc gia thành viên UPOV, từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho việc bảo hộ và thương mại hóa giống lúa ra thị trường khu vực và thế giới.

**II. GIẢI THÍCH NHỮNG NỘI DUNG CỦA DỰ THẢO TCVN**

**1. Tóm tắt phần chính của Tiêu chuẩn**

Giống cây nông nghiệp - Khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định – Phần 1: Giống lúa

1. Phạm vi áp dụng: Tiêu chuẩn này quy định phương pháp khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất, tính ổn định (khảo nghiệm DUS) của các giống lúa thuộc loài Oryza sativa L..

2. Tài liệu viện dẫn

3 Thuật ngữ, định nghĩa và các chữ viết tắt

3.1 Thuật ngữ và định nghĩa

3.1.1 Giống khảo nghiệm: giống mới được đăng ký khảo nghiệm

3.1.2 Giống đối chứng: giống được biết đến rộng rãi cùng nhóm với giống khảo nghiệm

3.1.3 Giống tương tự: giống được biết đến rộng rãi có nhiều tính trạng tương tự nhất với giống khảo nghiệm

3.1.4 Giống điển hình: Giống được sử dụng làm chuẩn đối với một trạng thái biểu hiện cụ thể của một hoặc nhiều tính trạng

3.1.5 Mẫu chuẩn

3.1.6 Tính trạng đặc trưng

3.1.7 Cây khác dạng

3.2 Chữ viết tắt

4 Yêu cầu về khảo nghiệm

4.1 Yêu cầu về địa điểm, cơ sở hạ tầng, trang thiết bị khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định của giống lúa

4.2 Tính trạng đặc trưng của giống

4.3 Vật liệu khảo nghiệm

4.3.1 Giống khảo nghiệm

4.3.1.1 Khối lượng mẫu hạt giống gửi khảo nghiệm

4.3.1.2 Chất lượng hạt giống gửi khảo nghiệm

4.3.2 Giống đối chứng

4.3.2.1 Xác định giống đối chứng

4.3.2.2 Chất lượng hạt giống đối chứng

4.4 Phân nhóm giống khảo nghiệm

5 Phương pháp khảo nghiệm

5.1 Cách tiến hành

5.1.1 Thời gian khảo nghiệm

5.1.2 Địa điểm khảo nghiệm

5.1.3 Bố trí thí nghiệm

5.1.4 Các biện pháp kỹ thuật

5.2 Phương pháp đánh giá

5.2.1 Yêu cầu chung

5.2.2 Đánh giá tính khác biệt

5.2.3 Đánh giá tính đồng nhất

5.2.4 Đánh giá tính ổn định

5.3 Báo cáo kết quả khảo nghiệm: Theo quy định tại phụ lục E

Phụ lục A (quy đinh): Tính trạng đặc trưng của giống lúa

Phụ lục B (quy định): Tờ khai kỹ thuật

Phụ lục C (quy định): Giai đoạn sinh trưởng của cây lúa

Phụ lục D (tham khảo): Hướng dẫn theo dõi một số tính trạng đặc trưng.

Phụ lục E (tham khảo): Báo cáo kết quả khảo nghiệm

**2. Giải thích những quy định trong Tiêu chuẩn** (*Giải thích, làm rõ căn cứ khoa học và thực tiễn của những chỉ tiêu/quy định tại phần nội dung kỹ thuật của dự thảo; Tổng hợp, nghiên cứu tài liệu kỹ thuật; đánh giá thực trạng, tiến hành lấy mẫu phân tích, thử nghiệm, khảo nghiệm, áp dụng thử (nếu có) để xác định các mức giới hạn của đặc tính kỹ thuật; phân tích, đánh giá mức độ rủi ro của đối tượng quản lý để xác định phương thức quản lý phù hợp trong dự thảo quy chuẩn*)

**2.1. Căn cứ khoa học và thực tiễn đối với các nội dung của dự thảo**

+ Tiêu chuẩn quốc gia TCVN13382-1:2021 – Giống cây nông nghiệp – Khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định – Phần 1: giống lúa

+ TG/16/9-17/2/2020 Guidelines for the Conduct of tests for Distinctness. Uniformity and Stablity of Rice

+ TG/1/3 General Introduction to the Examination of Distinctness. Uniformity and Stability and the Development of Harmonized Descriptions of New Varieties of Plants (Hướng dẫn chung về đánh giá tính khác biệt. tính đồng nhất. tính ổn định và hài hòa hóa trong mô tả giống cây trồng mới)

+ TGP/8/5: Trail design and techiques used in the examination of Distinctness. Uniformity and Stability (Phương pháp bố trí thí nghiệm và các biện pháp kỹ thuật được sử dụng để đánh giá tính khác biệt. tính đồng nhất và tính ổn định)

+ TGP/9 Examining Distinctness (Đánh giá tính khác biệt)

+ TGP/10/2 Examining Uniformity (Đánh giá tính đồng nhất)

+ TGP/11/1 Examining Stability (Đánh giá tính ổn định)

**2.2. Khảo sát thực địa phục vụ xây dựng nội dung dự thảo TCVN**

Để xây dựng bảng tính trạng đặc trưng, Ban soạn thảo đã thực hiện khảo sát thực tế các giống lúa đang được sản xuất phổ biến trong nước và tham khảo cơ sở dữ liệu giống tại các đơn vị nghiên cứu, sản xuất giống (Viện nghiên cứu lúa, Trung tâm nghiên cứu và phát triển lúa lai, Viện cây lương thực cây thực phẩm, Công ty CP tập đoàn Vinaseed; Công ty CP tập đoàn Thái Bình seed...).

a) Căn cứ lựa chọn tính trạng

Các tính trạng được lựa chọn đưa vào bảng tính trạng đặc trưng dựa trên 3 nguyên tắc:

- Tính di truyền ổn định và ít chịu ảnh hưởng của điều kiện ngoại cảnh;

- Có khả năng quan sát hoặc đo lường được bằng phương pháp khách quan, khoa học;

- Có tính phân biệt rõ ràng giữa các giống (nhằm phục vụ mục tiêu phân biệt giống trong khảo nghiệm DUS).

Bảng tính trạng trong dự thảo bao gồm 20 tính trạng được phân loại tính trạng giả chất lượng (PQ), số lượng (QN) và chất lượng (QL), sử dụng các mã số theo thang điểm UPOV để đảm bảo chuẩn hóa và khả năng tích hợp với hệ thống quốc tế.

b) Phân loại và minh họa tính trạng

- Các tính trạng được phân theo loại (VG, VS, MS, MG...) và được ghi chú rõ ràng trong bảng cùng phương pháp quan sát (trực quan hoặc đo đếm), hình thức ghi nhận (cá thể hay nhóm), kết hợp với minh họa trong Phụ lục A để giúp cán bộ khảo nghiệm dễ dàng nhận diện và thực hiện đánh giá.

- Một số tính trạng đặc biệt quan trọng và được đánh dấu (\*) để đảm bảo luôn phải sử dụng trong mô tả giống.

c) Khả năng ứng dụng trong thực tiễn

Bảng tính trạng được xây dựng vừa đảm bảo tính khoa học, vừa phù hợp với điều kiện sản xuất, khảo nghiệm tại Việt Nam. Ví dụ:

- Cây: tập tính sinh trưởng

- Tính trạng trên lá: kích thước, hình dạng, thế, màu sắc...;

- Tính trạng trên thân: chiều dài, đường kính thân...

- Tính trạng trên hạt: màu sắc vỏ trấu, màu vỏ hạt, lông trên hạt, phân bố râu, chiều dài, chiều rộng hạt thóc, hạt gạo lật, màu sắc hạt gạo lật, khối lượng 1.000 hạt ...

- Tính trạng hóa sinh: độ hòa tan kiềm, hàm lượng amylose, hương thơm, dạng nội nhũ ...

Các nội dung kỹ thuật trong Dự thảo TCVN DUS giống lúa được xây dựng chặt chẽ, khoa học, bám sát thực tiễn và có khả năng ứng dụng cao. Việc ban hành tiêu chuẩn này sẽ tạo nền tảng quan trọng để triển khai khảo nghiệm DUS, thẩm định và bảo hộ giống lúa một cách minh bạch, chính xác, phù hợp với thông lệ quốc tế và nhu cầu thực tiễn trong nước.

**3. Tính ưu việt và những điểm cần chú ý của dự thảo Tiêu chuẩn đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân góp ý dự thảo**

**3.1. Tính ưu việt của dự thảo Tiêu chuẩn**

- Tiếp cận chuẩn mực quốc tế, hài hòa với hệ thống của Hiệp hội Bảo hộ g UPOV: Cấu trúc, phương pháp đánh giá và quy trình khảo nghiệm tuân thủ theo hướng dẫn TG/1/3, TGP/8/5, TGP/9, TGP/10/2, TGP/11/1 của UPOV. Điều này giúp Việt Nam tăng cường khả năng công nhận lẫn nhau trong khảo nghiệm DUS, thuận lợi cho xuất khẩu giống và hội nhập quốc tế.

- Bảng tính trạng đặc trưng toàn diện, khoa học và dễ áp dụng: Với 51 tính trạng đặc trưng (gồm 46 tính trạng chính và 5 tính trạng bổ sung) được lựa chọn dựa trên phân tích chuyên môn trong đó bảng tính trạng phản ánh đầy đủ sự đa dạng hình thái phân biệt giữa các giống lúa, đồng thời được minh họa rõ trong phụ lục kỹ thuật.

- Quy định chi tiết về vật liệu khảo nghiệm và điều kiện thực hiện: Dự thảo quy định rõ số lượng vật liệu, chất lượng vật liệu, bố trí thí nghiệm, yêu cầu về cơ sở vật chất – tạo cơ sở đồng bộ trong tổ chức khảo nghiệm giữa các đơn vị.

- Phù hợp với năng lực tổ chức khảo nghiệm trong nước: Cách bố trí thí nghiệm, quy mô, phương pháp đánh giá đã được điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện thực tế tại Việt Nam, đảm bảo tính khả thi và hiệu quả khi triển khai.

**3.2 Những điểm cần chú ý của dự thảo Tiêu chuẩn đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân góp ý dự thảo**

Nhằm hoàn thiện Dự thảo Tiêu chuẩn quốc gia về “Giống cây trồng nông nghiệp – Khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định – Phần 1: Giống lúa”, các cơ quan, tổ chức và cá nhân được đề nghị tập trung góp ý vào các nội dung chính sau:

a) Tính đầy đủ, hợp lý và khả thi của bảng tính trạng đặc trưng

- Số lượng tính trạng 51 (gồm 46 tính trạng chính và 5 tính bổ sung) để phân biệt giữa các giống lúa được biết đến rộng rãi và giống đăng ký bảo hộ thuộc loài *Oryza* *sativa* L..

- Các tính trạng chất lượng, số lượng và giả chất lượng đã phù hợp chưa. Có nên đề xuất bổ sung/bỏ tính trạng nào không.

- Các trạng thái biểu hiện của tính trạng đã phù hợp về khoa học đã đầy đủ trong thực tế chưa.

- Cách phân loại mã số trạng thái biểu hiện, thang điểm (1–9) và cách ghi nhận kiểu quan sát, đánh giá (VG, VS, MS, MG...) có dễ hiểu và phù hợp với điều kiện triển khai tại đơn vị không.

- Đặc biệt chú ý các tính trạng đánh dấu (\*), vì đây là các tính trạng bắt buộc phải sử dụng để mô tả giống trong cả hai vụ khảo nghiệm.

b) Yêu cầu về vật liệu khảo nghiệm và giống đối chứng

- Số lượng vật liệu khảo nghiệm và yêu cầu về chất lượng mẫu có phù hợp với năng lực và điều kiện thực tế của tác giả giống không.

- Quy định về việc đề xuất giống tương tự và so sánh với giống khảo nghiệm trong tờ khai kỹ thuật có rõ ràng, dễ áp dụng không.

c) Quy định bố trí thí nghiệm và phương pháp khảo nghiệm

- Số lần nhắc lại tối thiểu là 2. Khoảng cách mật độ trồng, số cây thí nghiệm bố trí tối thiểu 500 cây trên 1 lần nhắc lại.

- Phương pháp đánh giá tính khác biệt, đồng nhất và ổn định có rõ ràng, dễ áp dụng không.

d) Các phụ lục và biểu mẫu đính kèm

- Phụ lục A có cần bổ sung thêm tính trạng nào không?

- Tờ khai kỹ thuật (Phụ lục B) có dễ sử dụng, đầy đủ và cần bổ sung thông tin gì không.

Phụ lục C quy định chi tiết các giai đoạn sinh trưởng của cây lúa đã hoàn toàn chính xác chưa? Có cần bổ sung thêm?

- Phụ lục D đã minh họa rõ ràng cách theo dõi, đánh giá các tính trạng chưa.

- Phụ lục E Báo cáo kết quả khảo nghiệm đã thể hiện đầy đủ yêu cầu chưa?

đ) Ngôn ngữ và cách diễn đạt trong tiêu chuẩn

- Cách trình bày, diễn giải các thuật ngữ chuyên môn, ký hiệu có rõ ràng, nhất quán và dễ hiểu đối với cán bộ kỹ thuật, doanh nghiệp giống, tổ chức khảo nghiệm không?.

***Lưu ý chung khi góp ý:***

- Góp ý cần ghi rõ điểm chưa phù hợp, đề xuất sửa đổi cụ thể, và nêu lý do.

- Khuyến khích gửi kèm minh họa, ví dụ thực tiễn (nếu có), đặc biệt với các tính trạng về hình thái hoặc kinh nghiệm thực tế.

*Hà Nội, ngày 15 tháng 9 năm 2025*

**Ban soạn thảo**

**Nguyễn Thị Mai Hà**